|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HCM**TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC****ĐỀ CHÍNH THỨC***(Đề kiểm tra có 04 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ INĂM HỌC 2023 - 2024MÔN SINH HỌC – KHỐI 11***Thời gian làm bài: 45 Phút(Không kể thời gian phát đề)***MÃ ĐỀ 611** |
| Họ và tên: ......................................................... | Số báo danh: ……………………………..  |

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1.** Hệ tuần hoàn đơn có ở:

 **A.** Cá xương. **B.** Chim. **C.** Chân khớp. **D.** Lưỡng cư.

**Câu 2.** Hô hấp là quá trình lấy ……… liên tục từ môi trường cung cấp cho hô hấp tế bào, tạo năng lượng cho hoạt động sống, đồng thời thải ………. sinh ra từ quá trình chuyển hoá ra ngoài.

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

 **A.** O2 và CO2 **B.** CO2 và SO2 **C.** O2 và SO2 **D.** CO2 và O2

**Câu 3.** Bài tiết là quá trình:

 **A.** Thải chất dư thừa, chất độc sinh ra do quá trình trao đổi chất của các tế bào mô, cơ quan trong cơ thể.

 **B.** Duy trì cân bằng áp suất thẩm thấu của máu.

 **C.** Thải chất có hại và hấp thu chất có lợi vào cơ thể.

 **D.** Duy trì cân bằng nhiệt độ của cơ thể.

**Câu 4.** Viêm là phản ứng:

 **A.** Xảy ra khi một vùng nào đó của cơ thể bị tổn thương và bắt đầu nhiễm trùng.

 **B.** Xảy ra nhằm phá hủy tế bào nhiễm vi khuẩn.

 **C.** Xảy ra nhằm giúp các tế bào bị nhiễm virus tiết ra interferon.

 **D.** Xảy ra khi các tế bào bị tổn thương.

**Câu 5.** Đặc điểm phổi của chim có cấu tạo khác với phổi của thú là

 **A.** Khí quản dài. **B.** Có nhiều túi khí.

 **C.** Có nhiều phế nang. **D.** Phế quản phân nhánh nhiều.

**Câu 6.** Hệ tuần hoàn của động vật cấu tạo từ các bộ phận sau:

 **A.** Dịch tuần hoàn, tim và hệ thống mạch máu.

 **B.** Động mạch, mao mạch và tĩnh mạch.

 **C.** Nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His và mạng lưới Purkinje.

 **D.** Tâm nhĩ, tâm thất, buồng tim và van tim.

**Câu 7.** Trong ống tiêu hóa của người, các cơ quan tiêu hóa được sắp theo thứ tự:

 **A.** Miệng → ruột non→ thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn

 **B.** Miệng →thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già→ hậu môn

 **C.** Miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn

 **D.** Miệng → ruột non→ dạ dày→ hầu → ruột già→ hậu môn

**Câu 8.** Cá lên cạn sẽ bị chết trong thời gian ngắn là do:

 **A.** Diện tích trao đổi khí còn rất nhỏ và mang bị khô nên cá không hô hấp được

 **B.** Độ ẩm trên cạn thấp.

 **C.** Không hấp thu được O2 của không khí.

 **D.** Nhiệt độ trên cạn cao

**Câu 9.** Nối cột sao cho thích hợp:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. O2 và CO2 được khuếch tán trực tiếp qua màng tế bào hoặc lớp biểu bị bao quanh cơ thể | a. Gián |
| 2. O2 trong không khí khuếch tán qua các lỗ thở vào ống khí rồi đến mọi tế bào của cơ thể | b. Bọt biển |
| 3. O2 hoà tan trong nước được khuếch tán vào máu, CO2 từ máu khuếch tán vào nước khi nước chảy giữa các phiến mỏng của mang. | c. Ốc |
| 4. O2 và CO2 được khuếch tán qua màng các phế nang trong phối | d. Con người |

 **A.** 1a, 2b, 3c, 4d. **B.** 1b, 2c, 3a, 4d. **C.** 1b, 2a, 3c, 4d. **D.** 1a, 2c, 3b, 4d.

**Câu 10.** Miễn dịch không đặc hiệu còn được gọi là:

 **A.** Miễn dịch tế bào. **B.** Miễn dịch bẩm sinh.

 **C.** Miễn dịch thu được. **D.** Miễn dịch thích ứng.

**Câu 11.** Nội môi là:

 **A.** Môi trường bên trong cơ thể động vật, giúp tế bào thực hiện quá trình bài tiết.

 **B.** Môi trường trên bề mặt cơ thể động vật, giúp tế bào thực hiện quá trình bài tiết.

 **C.** Môi trường bên trong cơ thể động vật, giúp tế bào thực hiện quá trình trao đổi chất.

 **D.** Môi trường trên bề mặt cơ thể động vật, giúp tế bào thực hiện quá trình trao đổi chất.

**Câu 12.** Thận là nơi diễn ra quá trình ………(1)……, giúp ………(2)……..

Các cụm từ còn thiếu điền và chỗ trống là:

 **A.** (1) tái hấp thụ nước, (2) đào thải chất thừa, chất độc khỏi cơ thể.

 **B.** (1) hình thành nước tiểu, (2) đào thải chất thừa, chất độc khỏi cơ thể.

 **C.** (1) tái hấp thụ nước, (2) chuyển hóa các chất độc hại thành các chất có lợi cho cơ thể.

 **D.** (1) hình thành nước tiểu, (2) chuyển hóa các chất độc hại thành các chất có lợi cho cơ thể.

**Câu 13.** Đâu là nguyên nhân bên trong gây bệnh cho người và động vật?

 **A.** Nấm **B.** Rối loạn di truyền

 **C.** Virus **D.** Vi khuẩn

**Câu 14.** Hệ tuần hoàn gồm các dạng:

 **A.** Hệ tuần hoàn đơn và hệ tuần hoàn kín.

 **B.** Hệ tuần hoàn hở và hệ tuần hoàn kép.

 **C.** Hệ tuần hoàn hở và hệ tuần hoàn kín.

 **D.** Hệ tuần hoàn đơn và hệ tuần hoàn kép.

**Câu 15.** Có bao nhiêu sinh vật được tính là có ống tiêu hóa trong các sinh vật sau:

(1) Vi khuẩn (2) Bò (3) Ruột khoang (4) Giun dẹp

 **A.** 2 **B.** 4 **C.** 1 **D.** 3

**Câu 16.** Tiêu hóa là gì?

 **A.** Là quá trình thu nhận các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành những chất đơn giản mà cơ thể có thể hấp thụ được.

 **B.** Là quá trình thải ra các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành những chất đơn giản mà cơ thể có thể hấp thụ được.

 **C.** Là quá trình biến đổi các chất cặn bã có trong thức ăn thành những chất đơn giản mà cơ thể có thể hấp thụ được.

 **D.** Là quá trình biến đổi các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành những chất đơn giản mà cơ thể có thể hấp thụ được.

**Câu 17.** Động vật có quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường diễn ra ở mang là:

 **A.** Cá sấu **B.** Lươn **C.** Rùa **D.** Chim.

**Câu 18.** Hai phòng tuyến bảo vệ cơ thể do hệ miễn dịch tạo thành là:

 **A.** Hàng rào bề mặt cơ thể và hàng rào bên trong cơ thể.

 **B.** Miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu.

 **C.** Hàng rào bảo vệ vật lý, hóa học và các đáp ứng không đặc hiệu.

 **D.** Miễn dịch dịch thể và miễn dịch tế bào.

**Câu 19.** Điền vào chỗ trống:

Ruột khoang và … là động vật có … nên thức ăn được biến đổi ngoại bào rồi hấp thu và tiếp tục được biến đổi nội bào.

 **A.** Giun dẹt – túi tiêu hóa **B.** Giun dẹp – túi tiêu hóa

 **C.** Giun dẹp - ống tiêu hóa **D.** Giun dẹt - ống tiêu hóa

**Câu 20.** Trùng biến hình dùng hình thức nào để lấy thức ăn:



 **A.** Xuất bào **B.** Hút thức ăn bằng miệng

 **C.** Thực bào **D.** Khuếch tán

**Câu 21.** Những cơ quan nào dưới đây có khả năng tiết ra hormone tham gia cân bằng nội môi?

(1) Tụy. (2) Gan. (3) Thận. (4) Lá lách. (5) Phổi.

 **A.** (1), (2) và (3). **B.** (1) và (3). **C.** (1) và (4). **D.** (1) và (2).

**Câu 22.** Khi nói về vai trò của hormone tuyến tụy, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Dưới tác dụng phối hợp của insulin và glucagon lên gan dẫn đến sự ổn định đường huyết ở người bình thường.

II. Dưới tác động của glucagon lên gan làm chuyển hóa glucose thành glycogen, còn dưới tác động của insulin lên gan làm phân giải glycogen thành glucose.

III. Dưới tác dụng của insulin lên gan làm chuyển glucose thành glycogen dự trữ, dưới tác động của glucagon lên gan làm phân giải glycogen thành glucose.

IV. Dưới tác dụng của insulin lên gan làm chuyển glycogen thành glucose dự trữ, với tác động của glucagon lên gan làm phân giải glucose thành glycogen.

 **A.** 3. **B.** 1. **C.** 4. **D.** 2.

**Câu 23.** Khi nói về chiều di chuyển của dòng máu trong hệ tuần hoàn kín của cơ thể bình thường, phát biểu nào sau đây **sai**?

 **A.** Từ tĩnh mạch qua tâm nhĩ. **B.** Từ tĩnh mạch qua mao mạch.

 **C.** Từ động mạch qua mao mạch. **D.** Từ tâm nhĩ qua tâm thất.

**Câu 24.** Cho các vai trò sau đây:

1. Đảm bảo an toàn, không gây ngộ độc hay gây ra các hậu quả khi sử dụng.

II. Cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể.

III. Giảm thiểu bệnh tật.

IV. Cung cấp thật nhiều các chất dinh dưỡng cần thiết để có được sức khoẻ tốt.

Có bao nhiêu vai trò là của thực phẩm sạch?

 **A.** 4. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 3.

**Câu 25.** Có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng khi nói về vaccine và vai trò của tiêm vaccine?

1. Vaccine là chế phẩm sinh học có chứa chất sinh kháng nguyên (như gene hoặc RNA mã hóa protein của vi khuẩn, virus) hoặc kháng nguyên không còn khả năng gây bệnh
2. Vaccine được dùng để tạo miễn dịch thụ động khi tiêm vào cơ thể, giúp cơ thể tăng sức đề kháng để chống lại các tác nhân gây bệnh
3. Tiêm chủng trên diện rộng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc phòng bệnh, dịch
4. Miễn dịch cộng đồng xảy ra khi có 50% dân số được tiêm chủng

 **A.** 4 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 1

**Câu 26.** Khi nói về huyết áp ở người, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Khi vận động mạnh huyết áp tăng cao.

II. Khi mất nhiều máu huyết áp giảm.

III. Khi nghỉ ngơi nếu huyết áp tâm trương thường xuyên cao hơn 90 mmHg, người đó có thể mắc bệnh cao huyết áp.

IV. Khi hồi hộp, lo âu nhịp tim và huyết áp đều tăng cao.

 **A.** 2. **B.** 3. **C.** 1. **D.** 4.

**Câu 27.** Một học sinh khi tìm hiểu về bệnh “Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)” đã đưa ra các nguyên nhân gây bệnh, có bao nhiêu nguyên nhân đúng?

I. Có thể do hút thuốc lá.

II. Có thể do yếu tố di truyền.

III. Có thể do thực vật.

IV. Có thể do động vật trực tiếp gây nên.

 **A.** 1. **B.** 2. **C.** 4 **D.** 3.

**Câu 28.** Vận dụng những hiểu biết về hô hấp, một học sinh đưa ra một số biện pháp dưới đây giúp hệ hô hấp khoẻ mạnh, hoạt động hiệu quả. Có bao nhiêu biện pháp đúng?

I. Chỉ cần ăn no, không cần uống nhiều nước

II. Tập thể dục là biện pháp bảo vệ hệ hô hấp

III. Làm sạch đường thở bằng cách xông khí dung bằng nước muối sinh lý

IV. Không hút thuốc lá, uống rượu, giữ ấm cho cơ thể.

 **A.** 2. **B.** 1. **C.** 3. **D.** 4.

1. **PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1. (1,5 điểm)**

**1.1** Quan sát **Hình 1** và trả lời câu hỏi

a) Vận tốc máu biến động như thế nào trong hệ mạch?

b) Cho biết mối liên quan giữa vận tốc máu và tổng tiết diện mạch máu.

****

***Hình 1:*** *Liên quan giữa vận tốc máu và tổng tiết diện mạch máu*

**1.2** Người luyện tập thể dục, thể thao đều đặn vài tháng có nhịp tim lúc nghỉ ngơi giảm đi so với trước đây, điều này được giải thích như thế nào?

**Câu 2. (1,5 điểm)** Quan sát **Hình 2** và trả lời câu hỏi:

1. Đây là bệnh gì liên quan đến thận và bài tiết ở người?

b) Trình bày các nguyên nhân gây ra bệnh trên.

c) Trình bày một số biện pháp phòng bệnh mà em biết.

***Hình 2:*** *Bệnh liên quan thận và bài tiết*

***------ HẾT ------***